



BỘ TƯ PHÁP

**SÁCH HỎI ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG,
CHỐNG THAM NHŨNG,
TIÊU CỰC**

Hà Nội, tháng 8 năm 2024

PHẦN I. VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.
2. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
3. Chỉ thị số 50-CT-TW ngày 07/12/2015 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.
4. Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.
5. Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.
6. Chỉ thị số 10/CT-TTG ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.
7. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.
8. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.
9. Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW.
10. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.
11. Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về Hướng dẫn số 04-HD/TW ngày 09/12/2022 của Ban Bí thư.
12. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ của Ban Chấp hành Trung ương.
13. Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán của Ban Chấp hành Trung ương.

14. Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền Phòng, chống tham nhũng.

15. Quy định số 85-QĐ/TW ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị ngày 23/5/2017 quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

16. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị ngày 06/7/2022 quy định về kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

17. Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

18. Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm sát việc kê khai tài sản.

19. Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018.

20. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

21. Nghị định số 134/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

22. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

23. Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018.

24. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

25. Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

26. Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.

PHẦN II. CÂU HỎI ĐÁP PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG, TIÊU CỰC

I. VỀ ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG TIÊU CỰC (49 câu)

(Đáp án là phương án được **in đậm**)

Câu 1: “Toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, quy định về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ...”.

Trích dẫn trên được nêu trong Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

- A. **Đại hội lần thứ X của Đảng.**
- B. Đại hội lần thứ XI của Đảng.
- C. Đại hội lần thứ XII của Đảng.
- D. Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Câu 2: Lần đầu tiên Đảng ta có một nghị quyết riêng bàn về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đưa ra nhiều quan điểm, giải pháp mới, quyết liệt, đồng bộ, thể hiện quyết tâm cao của Trung ương trong việc ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí. Đó là nghị quyết Hội nghị Trung ương nào?

- A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.
- B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa IX.
- C. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X.
- D. **Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X.**

Câu 3: Hiện nay, Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thành lập ở cấp nào?

- A. Cấp trung ương.
- B. Cấp tỉnh.
- C. Cấp huyện.
- D. **Cấp trung ương và cấp tỉnh.**

Câu 4: Quan điểm, chủ trương của Đảng về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý nêu rõ: “Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản nhằm bảo đảm việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai tài sản; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các khuyết điểm, vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng”. Trích dẫn trên được thể hiện trong văn bản nào của Đảng?

- A. **Quy định số 85-QĐ/TW ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị.**
- B. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương.
- C. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị.
- D. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị.

Câu 5: Đảng ta nhận định: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tình trạng những nhiều, tiêu cực

trong một số cơ quan, đơn vị khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được đẩy lùi. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, bệnh lãng phí, vô cảm, bệnh thành tích ở một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi”. Trích dẫn trên được nêu trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

- A. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ X của Đảng.
- B. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XI của Đảng.
- C. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng.
- D. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng.**

Câu 6: Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Việc nêu gương được quy định cụ thể ở nội dung nào dưới đây?

- A. Về tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống, tác phong.
- B. Về tự phê bình, phê bình; quan hệ với nhân dân; trách nhiệm trong công tác.
- C. Về ý thức tổ chức kỷ luật; đoàn kết nội bộ.
- D. Cả 3 phương án A, B và C.**

Câu 7: Các biểu hiện, hành vi tiêu cực theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, bao gồm những nội dung nào?

- A. Chín biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị.
- B. Chín biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống.
- C. Chín biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.
- D. Cả ba phương án A, B và C.**

Câu 8: Về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý, Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm: “... kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý”. Trích dẫn trên được nêu trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

- A. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ X của Đảng.
- B. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XI của Đảng.
- C. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng.
- D. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng.**

Câu 9: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Không lãnh đạo, chỉ đạo hoặc có hành vi cản trở hoạt động thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, tiêu cực.

B. Chỉ đạo chỉ xử lý nội bộ hoặc xử lý về hành chính đối với cá nhân tham nhũng, tiêu cực, có dấu hiệu tội phạm.

C. Bàn và thống nhất nhận tiền, tài sản không hợp pháp để sử dụng cho tập thể hoặc thành viên trong tổ chức đảng.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 10: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Mở tài khoản chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài, mua, bán tài sản ở nước ngoài trái quy định; tổ chức, tham gia hoạt động rửa tiền dưới mọi hình thức.

B. Chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành chế độ, chính sách, quy trình, thủ tục trái quy định tạo lợi ích nhóm hoặc lợi ích cục bộ nhằm mục đích trục lợi.

C. Tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh việc kê khai tài sản, thu nhập; đối phó, cản trở việc kiểm tra, giám sát, xác minh tài sản, thu nhập.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 11: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ) khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Tạo điều kiện để vợ (chồng), bố, mẹ, con, con dâu, con rể, anh, chị, em ruột mình hoặc bên vợ (chồng) hoặc người khác thực hiện dự án, kinh doanh ngành nghề thuộc lĩnh vực, đơn vị do mình trực tiếp phụ trách, theo dõi trái quy định nhằm trục lợi.

B. Dùng công quỹ của Nhà nước, tập thể hoặc tiền, tài sản của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp, tài trợ để giao dịch, biếu xén, hối lộ hoặc sử dụng trái quy định.

C. Biết mà không báo cáo, phản ánh, xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực; không thực hiện các quy định về bảo vệ người chống tham nhũng, tiêu cực.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 12: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Mở tài khoản chuyên tiền, tài sản ra nước ngoài, mua, bán tài sản ở nước ngoài trái quy định; tổ chức, tham gia hoạt động rửa tiền dưới mọi hình thức.

B. Chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành chế độ, chính sách, quy trình, thủ tục trái quy định tạo lợi ích nhóm hoặc lợi ích cục bộ nhằm mục đích trục lợi.

C. Tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh việc kê khai tài sản, thu nhập; đôi phó, cản trở việc kiểm tra, giám sát, xác minh tài sản, thu nhập.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 13: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham mưu, cho chủ trương, thẩm định, phê duyệt, quyết định đấu thầu, chỉ định thầu hoặc quyết định đầu tư, cấp phép, quyết định tỷ lệ phần vốn của Nhà nước trong doanh nghiệp, liên quan đến dự án, đề án kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đấu giá đất, tài sản Nhà nước nhằm trục lợi.

B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác hoặc giả mạo trong công tác để trục lợi; sử dụng trái phép tài sản của Đảng, Nhà nước, của tập thể nhằm trục lợi.

C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao để bao che, tiếp tay hành vi vi phạm pháp luật; cản trở, can thiệp trái pháp luật việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, giảm án nhằm trục lợi.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 14: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Không bồi hoàn, giao nộp tiền, tài sản đã sử dụng, chiếm đoạt do tham nhũng. Không chủ động thu hồi hoặc cản trở thu hồi tài sản tham nhũng

B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để chiếm dụng tài sản công.

C. Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã trái quy định của pháp luật.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 15: Năm 2023, Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã xuất bản cuốn sách nào nhằm hệ thống hóa sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tiêu cực?

A. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh.

B. Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

C. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với niềm tin của nhân dân trong nước và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

D. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Câu 16: Theo Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm nào sau đây?

A. Phát hiện, tiếp nhận thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

B. Cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ ở cơ quan, đơn vị mình.

C. Bảo vệ và khen thưởng kịp thời những cá nhân phát hiện, phản ánh, cung cấp thông tin, tố cáo đúng các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; đồng thời, xử lý nghiêm những người tố cáo sai sự thật làm ảnh hưởng uy tín người khác.

D. Cả 3 phương án A, B và C.

Câu 17: “*Tiếp tục hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng...*”. Trích dẫn trên được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

A. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng.

B. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng.

C. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng.

D. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Câu 18: Hiện nay, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cơ quan lãnh đạo nào của Đảng?

- A. Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- B. Bộ Chính trị, Ban Bí thư.**
- C. Ban Bí thư.
- D. Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Câu 19: Bộ Chính trị yêu cầu: “*Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trước hết là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ người tố cáo thuộc phạm vi mình phụ trách; ... chịu trách nhiệm trước cấp trên và bị xử lý trách nhiệm nếu buông lỏng lãnh đạo, quản lý, không làm hết thẩm quyền để xảy ra tình trạng người dân, cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách bị trả thù, trù dập khi tố cáo, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...*”. Trích dẫn trên được nêu trong văn bản nào của Đảng?

- A. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị.
- B. Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị.
- C. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị.**
- D. Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị.

Câu 20: Đảng ta đánh giá về công tác phòng, chống tiêu cực: “*Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước*”. Trích dẫn trên được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

- A. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng.
- B. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng.**
- C. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng.
- D. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Câu 21: Bộ Chính trị quy định: “*Các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Quy định của Bộ Chính trị. Từng đồng chí Ủy viên Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, từng đồng chí đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải tự giác, gương mẫu thực hiện và chỉ đạo thực hiện Quy định về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên*”. Trích dẫn trên được nêu trong văn bản nào của Đảng?

- A. Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị.**
- B. Quy định số 85-QĐ/TW ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị.
- C. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị.
- D. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị

Câu 22: Các biểu hiện, hành vi tiêu cực của đảng viên: “*Nói, viết, làm trái hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, quyết định của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép...*”. Nội dung trên được quy định trong văn bản nào của Đảng?

A. Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

B. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

C. Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

D. Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 23: Bộ Chính trị quy định: “*Nghiêm cấm việc lợi dụng tổ chức giao lưu, liên hoan, gặp mặt, chúc mừng trước, trong và sau mỗi kỳ đại hội, hội nghị, kỳ họp hoặc các dịp mít tinh, kỷ niệm ngày truyền thống, khai giảng, bế giảng hoặc khi cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm, phong, thăng quân hàm, luân chuyển, chuyển công tác... để ăn uống, “tiệc tùng”, tặng, nhận quà, với động cơ vụ lợi*”. Trích dẫn trên được quy định trong văn bản nào của Đảng?

A. Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị.

B. Quy định số 19-QĐ/TW ngày 03/01/2002 của Bộ Chính trị.

C. Quy định số 85-QĐ/TW ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị.

D. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị.

Câu 24: Hiện nay, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được quy định trong văn bản nào của Đảng?

A. Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/06/2022 của Ban Bí thư.

B. Quy định số 211-QĐ/TW, ngày 25/12/2019 của Bộ Chính trị.

C. Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị.

D. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị.

Câu 25: Hiện nay, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định trong văn bản nào của Đảng?

A. Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/06/2022 của Ban Bí thư.

B. Quy định số 211-QĐ/TW, ngày 25/12/2019 của Bộ Chính trị.

C. Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị.

D. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị.

Câu 26: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Không lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kê khai, công khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng, Nhà nước.

B. Không lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và cán bộ, đảng viên thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định.

C. Buông lỏng lãnh đạo, quản lý; thiếu kiểm tra, giám sát để phát hiện, xử lý kịp thời tham nhũng, tiêu cực trong tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên, gây hậu quả ít nghiêm trọng.

Câu 27: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng tiền, tài sản của tổ chức, cá nhân do mình trực tiếp quản lý trái quy định.

B. Không chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập thuộc trách nhiệm được giao hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ quy định về kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập, về giải trình biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.

C. Buông lỏng lãnh đạo, quản lý để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách mà không chủ động xử lý.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên, gây hậu quả ít nghiêm trọng.

Câu 28: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ) khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Khai không trung thực, hợp thức hoá hồ sơ để được giao đất không đúng đối tượng, tiêu chuẩn; thông đồng, khai khống, nâng giá đền bù không đúng với thực tế để chiếm đoạt tiền của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong đền bù giải phóng mặt bằng.

B. Quyết định, phê duyệt hoặc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xảy ra tham nhũng, lãng phí, thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước; đầu tư công tràn lan không hiệu quả; chi tiêu công quỹ trái quy định.

C. Kê khai tài sản, giải trình biến động tài sản, nguồn gốc tài sản, thu nhập không trung thực.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 29: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Không chỉ đạo và tổ chức thu hồi hoặc cản trở hoạt động thu hồi tài sản tham nhũng, tiêu cực.

B. Sử dụng dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán để đe dọa đối tượng kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán nhằm trục lợi.

C. Chỉ đạo xử lý hành chính, kinh tế đối với hành vi tham nhũng, tiêu cực, có dấu hiệu tội phạm hoặc cho miễn truy cứu trách nhiệm hình sự trái pháp luật đối với người phạm tội tham nhũng, tiêu cực.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 30: Trong Cuốn sách “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” do Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản năm 2023, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tiêu cực đã viết về mối quan hệ giữa tham nhũng và tiêu cực như thế nào?

A. Tham nhũng là một loại hành vi tiêu cực do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, là loại biểu hiện cụ thể của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

B. Tham nhũng và tiêu cực, nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống có mối quan hệ gắn bó mật thiết, chặt chẽ với nhau; nguyên nhân cơ bản, trực tiếp của tham nhũng là do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

C. Tiêu cực là môi trường làm nảy sinh tham nhũng; tham nhũng tác động trở lại làm trầm trọng hơn tình trạng tiêu cực.

D. Cả 3 phương án A, B, C.

Câu 31: Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét và áp dụng các biện pháp xử lý nào sau đây?

A. Bị khiển trách thì sau thời hạn ít nhất 60 tháng kể từ ngày quyết định khiển trách có hiệu lực thi hành mới được xem xét quy hoạch cán bộ. Không bố trí làm công tác tham mưu, nghiệp vụ về tổ chức, cán bộ, kiểm tra, thanh tra.

B. Bị cảnh cáo thì sau thời hạn ít nhất 60 tháng kể từ ngày quyết định cảnh cáo có hiệu lực thi hành mới được xem xét quy hoạch cán bộ. Không bố trí làm công tác tham mưu, nghiệp vụ về tổ chức, cán bộ, kiểm tra, thanh tra.

C. Bị cách chức thì sau thời hạn ít nhất 60 tháng kể từ ngày quyết định cách chức có hiệu lực thi hành mới được xem xét quy hoạch cán bộ.

Không bố trí làm công tác tham mưu, nghiệp vụ về tổ chức, cán bộ, kiểm tra, thanh tra.

D. Không có phương án đúng.

Câu 32: Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành: Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030. Trong đó, có nêu các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nào?

A. Hoàn thiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, hoàn thiện chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính; nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật;

B. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;

C. Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò và trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Tích cực tham gia, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của quốc gia thành viên Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng.

D. Cả 3 phương án A, B, C.

Câu 33: “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm, không có ngoại lệ...*”. Trích dẫn trên được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

A. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng.

B. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng.

C. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng.

D. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Câu 34: Hiện nay, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do ai làm Trưởng ban Chỉ đạo?

A. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

B. Đồng chí Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng.

C. Đồng chí Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

D. Đồng chí Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ.

Câu 35: Để phát huy tác dụng tích cực của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản trong công tác phòng, chống tham nhũng, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tốt công việc sau đây: “*Tăng cường lãnh đạo để thống nhất nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc kê khai,*

kiểm soát việc kê khai tài sản theo quy định của Đảng, Nhà nước...”. Trích dẫn trên được nêu trong văn bản nào của Đảng?

- A. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị.
- B. Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị.
- C. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị.
- D. Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị.**

Câu 36: Đảng ta đánh giá về công tác phòng, chống tiêu cực: “*Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phần tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước*”. Trích dẫn trên được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

- A. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng.
- B. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng.
- C. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng.**
- D. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Câu 37: Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định: “*Cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu nêu gương*”. Trích dẫn trên được nêu trong văn bản nào của Đảng?

- A. Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.**
- B. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- C. Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- D. Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 38: Các biểu hiện, hành vi tiêu cực trong trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, như: “*Chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, bản vị. Lợi dụng tập thể để né tránh trách nhiệm hoặc lấy danh nghĩa tập thể thực hiện mục đích cá nhân. Nói không nhất quán, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít...*”, Trích dẫn trên được nêu trong văn bản nào của Đảng?

- A. Quy định số 19-QĐ/TW ngày 03/01/2002 của Bộ Chính trị.
- B. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- C. Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.**
- D. Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 39: Trong các quan điểm, chủ trương của Đảng về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý, Đảng ta nêu rõ: “... *xử lý nghiêm minh trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình trực tiếp quản lý, các cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm về kê khai và minh bạch tài sản, thu nhập*”. Trích dẫn trên được nêu trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

- A. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ X của Đảng.
- B. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XI của Đảng.
- C. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng.**
- D. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Câu 40: Chức năng của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (viết tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) hiện nay được quy định như thế nào?

- A. Ban Chỉ đạo Trung ương do Bộ Chính trị thành lập, chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi cả nước.**
- B. Ban Chỉ đạo Trung ương chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- C. Ban Chỉ đạo Trung ương làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện.
- D. Ban Chỉ đạo Trung ương hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

Câu 41: Phạm vi chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định như thế nào?

- A. Chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; phòng, chống tiêu cực, trọng tâm là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ở địa phương.
- B. Chỉ đạo, đôn đốc, điều hòa phối hợp, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

C. Trực tiếp chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

D. Cả 2 phương án A và C.

Câu 42. Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Không xử lý, bao che, dung túng cho tổ chức, cá nhân tham nhũng, tiêu cực và vi phạm quy định về kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập.

B. Không xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực, ở cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý.

C. Ban hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp mình về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 43: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Tổ chức giao lưu, du lịch, tặng quà để lợi dụng, mua chuộc người có trách nhiệm ban hành quyết định không đúng quy định, nhằm trục lợi cho bản thân, gia đình mình hoặc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp mà mình tham gia.

B. Tổ chức giao lưu, liên hoan, gặp mặt để tặng, nhận quà với động cơ vụ lợi.

C. Quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, cho chuyển công tác đối với nhân sự là đối tượng đang trong quá trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận kiểm tra, thanh tra, đang điều tra hoặc giải quyết tố cáo.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên, gây hậu quả ít nghiêm trọng.

Câu 44: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ) khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Để xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng tại cơ quan, đơn vị, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách.

B. Tiết lộ thông tin, đe dọa, trả thù, trù dập người phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng, tiêu cực.

C. Lợi dụng việc phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về tham nhũng, tiêu cực để vu khống cơ quan, tổ chức, cá nhân.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 45: Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ khi vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường hợp nào sau đây?

A. Lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che hoặc cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để làm trái quy định, trục lợi; dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực.

B. Đưa, nhận, môi giới hối lộ; môi giới làm thủ tục hành chính hoặc lợi dụng vị trí công tác để môi giới hưởng thù lao dưới mọi hình thức trái quy định. Đưa, nhận “hoa hồng” hoặc môi giới đưa, nhận “hoa hồng” trái quy định. Những nhiều, vòi vĩnh khi thực thi công vụ.

C. Tham ô tiền, tài sản, lợi dụng chính sách an sinh xã hội và quỹ cứu trợ, cứu nạn để tham nhũng, tiêu cực; lợi dụng việc lập quỹ để trục lợi.

D. Vi phạm một trong các trường hợp trên.

Câu 46: Cuốn sách “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” do Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản năm 2023, đã hệ thống hóa sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tiêu cực, bố cục gồm những nội dung nào?

A. Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam.

B. Nhất quán phương châm: “Phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực từ sớm từ xa, cả ngọn lẫn gốc”.

C. Trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt.

D. Gồm cả 3 phương án A, B, C.

Câu 47: Theo Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo không bố trí người có quan hệ gia đình đồng thời đảm nhiệm chức danh người đứng đầu các cơ quan nào?

A. Nội vụ, thanh tra, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, công thương, kế hoạch đầu tư, tài nguyên môi trường, quân đội, công an ở Trung ương hoặc cùng cấp ở một địa phương.

B. Nội vụ, thanh tra, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, công thương, kế hoạch đầu tư, tài nguyên môi trường, quân đội, công an, toà án, viện kiểm sát ở Trung ương hoặc cùng cấp ở một địa phương.

C. Nội vụ, thanh tra, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, công thương, kế hoạch đầu tư, tài nguyên môi trường, lao động, thương binh và xã hội, quân đội, công an, toà án, viện kiểm sát ở Trung ương hoặc cùng cấp ở một địa phương.

D. Nội vụ, thanh tra, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, công thương, kế hoạch đầu tư, tài nguyên môi trường, lao động, thương binh và xã hội, y tế, quân đội, công an, toà án, viện kiểm sát ở Trung ương hoặc cùng cấp ở một địa phương.

Câu 48: Theo Nghị quyết 168/NQ-CP, ngày 11/10/2023 về Ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030, nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ của đối tượng nào dưới đây?

A. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

B. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

C. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo.

D. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân, trong đó đồng chí Tổng Bí thư giữ vai trò lãnh đạo.

Câu 49: Theo Nghị quyết 168/NQ-CP, ngày 11/10/2023 về Ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030, lộ trình thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 được thực hiện theo mấy giai đoạn?

A. Lộ trình 01 giai đoạn.

B. Lộ trình 02 giai đoạn.

C. Lộ trình 03 giai đoạn.

D. Lộ trình 04 giai đoạn.

II. VỀ LUẬT PHÒNG, THAM NHỮNG NĂM 2018, NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2019/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2020/NĐ-CP (57 câu)

Câu 1: Hành vi nào dưới đây không phải là hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện?

A. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng mục đích.

B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

C. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

Đáp án: A (Điểm d, đ, e khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 2: Hành vi nào dưới đây không phải là hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện?

A. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của gia đình.

B. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

C. Nhận hối lộ.

D. Tham ô tài sản.

Đáp án: A (Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 3: Hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tham nhũng gồm những hành vi nào dưới đây?

A. Đe dọa, trả thù, trù dập, tiết lộ thông tin về người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.

B. Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng để vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

C. Bao che hành vi tham nhũng; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc phát hiện, xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng quy định tại Mục 2 Chương IX của Luật Phòng, chống tham nhũng.

D. Cả 03 phương án trên.

Đáp án: D (Điều 8 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 4: Nội dung nào dưới đây không phải là giải pháp phòng ngừa tham nhũng?

A. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

B. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

C. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

D. Hoạt động thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng của cơ quan thanh tra, kiểm toán.

Đáp án: D (Chương II Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018)

Câu 5: Hoạt động nào không phải là hình thức công khai thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị?

- A. Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- B. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.
- C. Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.
- D. Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

Đáp án: D (khoản 1 Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

Câu 6: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi nào?

- A. Khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân bị tác động bởi quyết định của mình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
- B. Khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân bị tác động bởi hành vi của mình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
- C. Khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi của mình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
- D. Khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Đáp án: C (khoản 1 Điều 15 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 7: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng khi nào?

- A. Vì mục đích từ thiện.
- B. Vì mục đích đối ngoại.
- C. Để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân mình.
- D. Thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Đáp án: C (khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)

Câu 8: Người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ có trách nhiệm nào sau đây?

- A. Chỉ hoàn trả phần giá trị mà mình cho phép sử dụng trái quy định.
- B. Phải hoàn trả phần giá trị mà mình cho phép sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại.
- C. Yêu cầu người sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chịu trách nhiệm hoàn trả phần giá trị mà mình sử dụng và bồi thường thiệt hại.
- D. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu người sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ bồi thường thiệt hại.

Đáp án: B (Điểm a Khoản 2 Điều 19 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 9: Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là bao nhiêu năm?

- A. Từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
- B. Từ đủ 03 năm đến 06 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
- C. Từ đủ 02 năm đến 04 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
- D. Từ đủ 04 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

Đáp án A (Khoản 2 Điều 25 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018)

Câu 10: Cơ quan nào sau đây không có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập?

- A. Thanh tra Chính phủ.
- B. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- C. Thanh tra tỉnh.
- D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đáp án: D (Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018).

Câu 11: Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập không phải kê khai tài sản, thu nhập nào sau đây?

- A. Tài sản, thu nhập của mình.
- B. Tài sản, thu nhập của vợ hoặc chồng.
- C. Tài sản, thu nhập của con đã thành niên.
- D. Tài sản, thu nhập của con chưa thành niên.

Đáp án: C (Điều 33 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018)

Câu 12: Người nào sau đây không có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập?

- A. Cán bộ, công chức.
- B. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân.
- C. Viên chức không giữ chức vụ.
- D. Sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.

Đáp án: C (Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng 2018)

Câu 13: Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung được thực hiện khi nào?

- A. Khi có biến động tăng tài sản, thu nhập trong năm.

B. Khi có biến động tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

C. Khi có biến động tăng tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

D. Khi được tuyển dụng vào ngạch công chức.

Đáp án: B (khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 14: Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập khi có căn cứ nào sau đây?

A. Có biến động tăng về tài sản, thu nhập.

B. Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300 triệu đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó.

C. Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300 triệu đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc.

D. Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300 triệu đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần đầu.

Đáp án: C (Điều 41 Luật PCTN năm 2018)

Câu 15: Nội dung xác minh tài sản, thu nhập gồm?

A. Tính trung thực của Bản kê khai.

B. Tính đầy đủ, rõ ràng của Bản kê khai.

C. Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập.

D. Cả 03 phương án trên.

Đáp án: D (Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

Câu 16: Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập?

A. Văn phòng Chính phủ.

B. Bộ Thông tin và Truyền thông.

C. Thanh tra Chính phủ.

D. Bộ Công an.

Đáp án: C (Điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 17: Nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra đột xuất việc chấp hành

pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình khi nào?

- A. Khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
- B. Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.
- C. Khi có yêu cầu của cơ quan điều tra.
- D. Khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra.

Đáp án: A (Khoản 2 Điều 58 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 18. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.
- B. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân.
- C. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.
- D. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Đáp án: B (Khoản 4 Điều 65 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 19: Tài sản tham nhũng phải được xử lý như thế nào?

- A. Tài sản tham nhũng được xử lý theo quy định của Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước.
- B. Tài sản tham nhũng phải được tịch thu và giao cho người có thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.
- C. Tài sản tham nhũng sẽ bị tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- D. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật.

Đáp án: D (Khoản 1 Điều 93 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

Câu 20: Hành vi nào dưới đây không phải là hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện?

- A. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
- B. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
- C. Thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ.
- D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi.

Đáp án: C (Điểm g, h, i khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 21: Người có chức vụ, quyền hạn không được nhận quà tặng nào dưới đây của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình

- A. Từ 02 triệu đồng trở lên.
- B. Quà tặng bằng hiện vật.
- C. Quà tặng là dịch vụ thăm quan, du lịch, y tế, giáo dục - đào tạo, thực tập, bồi dưỡng trong nước hoặc ngoài nước.
- D. Tất cả các phương án trên.

Đáp án: D (Điều 25 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)

Câu 22: Người nào có thẩm quyền ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy chính quyền địa phương?

- A. Thủ tướng Chính phủ.
- B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- C. Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.
- D. Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đáp án: D (Khoản 3 Điều 21 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 23: Người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì bị xử lý như thế nào?

- A. Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm.
- B. Bị thu hồi tài sản, thu nhập tăng thêm không giải trình hợp lý về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm.
- C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- D. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đáp án: A (Điều 51 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 24: Nội dung nào dưới đây là nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập?

- A. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định của pháp luật.
- B. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý đảm bảo minh bạch theo quy định của pháp luật.

C. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý công bằng theo quy định của pháp luật.

D. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý khách quan theo quy định của pháp luật.

Đáp án: A (khoản 2 Điều 4 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 25: Chủ thể nào dưới đây không có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập?

A. Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

B. Cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

C. Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập.

D. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập.

Đáp án: D (Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 26: Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trong thời hạn bao lâu kể từ ngày nhận được yêu cầu?

A. 03 ngày làm việc; trường hợp thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn là 10 ngày làm việc.

B. 10 ngày làm việc; trường hợp thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn là 20 ngày làm việc.

C. 05 ngày làm việc; trường hợp thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn là 15 ngày làm việc.

D. 07 ngày làm việc; trường hợp thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn là 25 ngày làm việc.

Đáp án: C (Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 27: Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có trách nhiệm phê duyệt nội dung và ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm vào thời điểm nào?

A. Trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề.

B. Trước ngày 10 tháng 01 hằng năm.

C. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

D. Trước ngày 01 tháng 6 hàng năm.

Đáp án: C (Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 28: Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính) phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng bao nhiêu % số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình?

- A. 10%.
- B. 20%.
- C. 30%.
- D. 40%.

Đáp án: B (Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 29: Số lượng người được lựa chọn để xác minh tài sản, thu nhập ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu bằng bao nhiêu % số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh?

- A. 10%.
- B. 20%.
- C. 30%.
- D. 40%.

Đáp án: A (Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 30: Chủ thể nào được mời dự và chứng kiến việc cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh tài sản, thu nhập?

- A. Đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.
- B. Đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.
- C. Đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp.
- D. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nội vụ cùng cấp.

Đáp án: B (Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 31: Xác minh tài sản, thu nhập theo Kế hoạch hằng năm được lựa chọn căn cứ theo tiêu chí nào sau đây?

A. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 04 năm liền trước đó.

B. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 05 năm liền trước đó.

C. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

D. Người có nghĩa vụ kê khai đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

** Đáp án: A (Điều 16 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)*

Câu 32: Quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập được niêm yết công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật thường xuyên làm việc trong thời gian bao nhiêu ngày?

A. 15 ngày.

B. 20 ngày.

C. 25 ngày.

D. 30 ngày.

Đáp án: A (khoản 1 Điều 23 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

Câu 33: Cơ quan nào dưới đây có thẩm quyền thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương thực hiện?

A. Thanh tra Chính phủ.

B. Thanh tra Bộ.

C. Thanh tra tỉnh.

D. Thanh tra sở.

Đáp án: A (Điểm a Khoản 1 Điều 61 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 34: Cơ quan nào dưới đây có thẩm quyền thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người giữ chức vụ từ tương đương Giám đốc Sở

trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện?

- A. Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
- B. Thanh tra Bộ.
- C. Thanh tra Chính phủ.
- D. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Đáp án: C (Điểm a Khoản 1 Điều 61 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 35: Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng, trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì phải xử lý như thế nào?

- A. Chuyển ngay hồ sơ vụ việc lên cơ quan Thanh tra cấp trên, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp trên của cơ quan được thanh tra.
- B. Chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp trên của cơ quan được thanh tra.
- C. Chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.
- D. Chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân cùng cấp.

Đáp án: C (Khoản 1 Điều 62 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 36: Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng, trường hợp vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì phải xử lý như thế nào?

- A. Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm.
- B. Chuyển hồ sơ vụ việc lên cơ quan Thanh tra cấp trên để xử lý người có hành vi vi phạm.
- C. Chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra để tiếp tục điều tra, làm rõ.
- D. Chuyển hồ sơ vụ việc sang Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cùng cấp để theo dõi, chỉ đạo xử lý.

Đáp án: A (Khoản 2 Điều 62 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 37: Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng, cá nhân, tổ chức có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

B. Tổ chức có quyền phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

C. Mọi cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

D. Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng, cá nhân có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Đáp án: D (Khoản 1 Điều 65 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 38: Trường hợp nào dưới đây không thuộc trường hợp được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm pháp lý đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách?

A. Không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

B. Đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.

C. Chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

D. Phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn.

Đáp án: D (Khoản 3 Điều 73 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 39: Hành vi nào dưới đây không phải là hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện?

A. Những nhiễu vì vụ lợi.

B. Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi.

D. Cản trở cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

Đáp án: D (Điểm k, l, m khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 40: Nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra thường xuyên việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình khi nào?

- A. Khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra.
- B. Theo chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- C. Khi có yêu cầu của cơ quan điều tra.
- D. Theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng.

Đáp án: D (Khoản 1 Điều 58 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 41: Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.
- B. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ nhân chứng.
- C. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng không được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.
- D. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố giác tội phạm.

Đáp án: A (Khoản 2 Điều 67 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 42: Nội dung nào dưới đây không phải là trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phòng, chống tham nhũng?

- A. Phản ánh khách quan, trung thực về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.
- B. Động viên Nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.
- C. Cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng.
- D. Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Đáp án: A (Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 74 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 43: Nội dung nào dưới đây không phải là trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo trong phòng, chống tham nhũng?

- A. Đấu tranh chống tham nhũng.

B. Đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.

C. Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

D. Phản ánh khách quan, trung thực và chấp hành các quy định khác của pháp luật về báo chí, quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.

Đáp án: C (Điều 75 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 44: Nội dung nào dưới đây không phải là trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong phòng, chống tham nhũng?

A. Đấu tranh chống tham nhũng, đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.

B. Tuyên truyền, động viên người lao động, thành viên, hội viên của mình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

C. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng.

D. Kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

Đáp án: A (Điều 76 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 45: Công dân tự mình hoặc thông qua tổ chức nào dưới đây để tham gia phòng, chống tham nhũng?

A. Thông qua cơ quan điều tra hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên.

B. Thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên.

C. Thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua cơ quan điều tra.

D. Thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua cơ quan tiến hành tố tụng.

Đáp án: B (Khoản 1 Điều 77 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 46: Nội dung thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội khu vực ngoài nhà nước gồm?

A. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động.

B. Việc thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích.

C. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước khi để xảy ra tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức do mình quản lý.

D. Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Đáp án: D (Điều 57 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)

Câu 47: Cơ quan nào sau đây không có thẩm quyền thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước?

- A. Thanh tra Chính phủ.
- B. Thanh tra Bộ.
- C. Thanh tra tỉnh.
- D. Thanh tra thuộc các Tổng cục.

Đáp án: D (Điều 59 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)

Câu 48: Cơ quan nào dưới đây không có đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng?

- A. Thanh tra Chính phủ.
- B. Bộ Công an.
- C. Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- D. Kiểm toán nhà nước.

Đáp án: D (Khoản 1 Điều 83 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 49: Cơ quan nào có thẩm quyền phê chuẩn quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng trong Viện kiểm sát nhân dân tối cao?

- A. Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- B. Chính phủ.
- C. Quốc hội.
- D. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đáp án: D (Khoản 2 Điều 83 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 50: Cơ quan nào dưới đây là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng?

- A. Bộ Công an.
- B. Thanh tra Chính phủ.
- C. Văn phòng Chính phủ.
- D. Bộ Nội vụ.

Đáp án: B (Khoản 2 Điều 84 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 51: Những cơ quan nào dưới đây có trách nhiệm tổ chức hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng?

- A. Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- B. Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ.
- C. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.
- D. Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao.

Đáp án: C (Khoản 3 Điều 84 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 52: Trường hợp nào người có hành vi tham nhũng bị xem xét tăng hình thức kỷ luật?

- A. Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- B. Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là đảng viên.
- C. Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là đại biểu Quốc hội.
- D. Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là đại biểu Hội đồng nhân dân.

Đáp án: A (Khoản 3 Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 53: Người có hành vi tham nhũng sẽ được xem xét giảm hình thức kỷ luật, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật trong trường hợp nào sau đây?

- A. Người có hành vi tham nhũng có thành tích trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại.
- B. Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, tự giác nộp lại tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng.
- C. Người có hành vi tham nhũng là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại.
- D. Người có hành vi tham nhũng có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng, đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại.

Đáp án: B (Khoản 4 Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 54: Cán bộ, công chức, viên chức bị kết án về tội phạm tham nhũng mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên bị áp dụng hình thức nào dưới đây?

- A. Hạ bậc lương.
- B. Đình chỉ công tác.
- B. Tạm đình chỉ công tác.

D. Buộc thôi việc.

Đáp án: D (Khoản 5 Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Câu 55: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện công khai, minh bạch thì sẽ bị xử lý kỷ luật bằng hình thức nào sau đây?

A. Khiển trách.

B. Cảnh cáo.

C. Cách chức.

D. Buộc thôi việc.

Đáp án: B (Khoản 2 Điều 81 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)

Câu 56: Người tự ý sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý như thế nào?

A. Kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo; phải hoàn trả phần giá trị đã sử dụng trái quy định và bồi thường nếu gây thiệt hại.

B. Kỷ luật bằng hình thức khiển trách; phải hoàn trả phần giá trị đã sử dụng trái quy định và bồi thường nếu gây thiệt hại.

C. Kỷ luật bằng hình thức cách chức; phải hoàn trả phần giá trị đã sử dụng trái quy định.

D. Kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; phải hoàn trả phần giá trị đã sử dụng trái quy định và bồi thường nếu gây thiệt hại.

Đáp án: A (Khoản 3 Điều 82 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)

Câu 57: Người thực hiện công vụ, nhiệm vụ nếu biết hoặc buộc phải biết về tình huống xung đột lợi ích của mình mà không báo cáo thì bị xử lý như thế nào?

A. Khiển trách đối với người có hành vi vi phạm lần đầu.

B. Cảnh cáo đối với người có hành vi vi phạm lần đầu.

C. Cách chức người có hành vi vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng.

D. Buộc thôi việc đối với người đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi đó mà tiếp tục tái phạm.

Đáp án: A (khoản 1 Điều 84 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)

III. VỀ BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015, SỬA ĐỔI NĂM 2017 (38 câu)

Câu 1: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhận định nào sau đây là đúng?

A. *Các tội phạm về chức vụ* là hành lạm dụng chức vụ để điều chỉnh hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong khi thực hiện công vụ.

B. *Các tội phạm về chức vụ* là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.

C. *Các tội phạm về chức vụ* là hành vi lợi dụng chức vụ tác động vào hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức.

D. *Các tội phạm về chức vụ* là hành vi của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước lợi dụng quyền hạn chỉ đạo làm sai lệch hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Đáp án: B (Khoản 1 Điều 352 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 2: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

A. Bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

B. Bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

C. Bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

D. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

** Đáp án: C (Khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*

Câu 3: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

A. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

B. Bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

C. Bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

D. Bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

** Đáp án: B (Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*

Câu 4: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 500.000.000 đồng đến

dưới 1.000.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.
- B. Bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.
- C. Bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.
- D. Bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

** Đáp án: D (Khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*

Câu 5: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.
- B. Bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.
- C. Bị phạt tù từ 13 năm đến 17 năm.
- D. Bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

** Đáp án: A (Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*

Câu 6: “Tội tham ô tài sản” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.
- B. Bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 02 năm đến 05 năm.
- C. Bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.
- D. Bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 07 năm, có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

** Đáp án: A (khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*

Câu 7: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội tham ô tài sản”, trường hợp nào sau đây không thuộc trường hợp bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm?

- A. Có tổ chức
- B. Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm
- C. Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự

phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

D. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.

** Đáp án: D (điểm a Khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Câu 8: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), “Tội tham ô tài sản” có khung hình phạt cao nhất nào sau đây?

A. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

B. Phạt tù từ 20 năm đến 25 năm.

C. Phạt tù từ 20 năm đến 35 năm.

D. Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

** Đáp án: D (Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Câu 9: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), “Tội nhận hối lộ” có khung hình phạt cao nhất nào sau đây?

A. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

B. Phạt tù từ 20 năm đến 30 năm.

C. Phạt tù từ 20 năm đến 50 năm.

D. Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Đáp án: D (khoản 4, Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 10: “Tội nhận hối lộ” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ từ 02 năm đến 05 năm.

B. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

C. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 06 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

D. Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 07 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Đáp án: B (khoản 5, Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 11: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về “Tội nhận hối lộ”, người phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.
- B. Phạt tù từ 20 năm đến 30 năm.
- C. Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.
- D. Phạt tù 30 năm, tù chung thân hoặc tử hình

Đáp án: C (điểm d, khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 12: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về “Tội nhận hối lộ”, người phạm tội gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.
- B. Phạt tù từ 20 năm đến 30 năm.
- C. Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.
- D. Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Đáp án: D (khoản 4, Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 13: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về “Tội nhận hối lộ”, người phạm tội thuộc trường hợp nào sau đây thì bị áp dụng khung phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình?

- A. Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.
- B. Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.
- C. Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên.
- D. Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.

Đáp án: C (khoản 4, Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 14: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về “Tội nhận hối lộ”, người phạm tội thuộc trường hợp nào dưới đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm?

- A. Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.
- B. Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.
- C. Cửa hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.
- D. Phạm tội có tổ chức.

Đáp án: A (Điểm b, khoản 3, Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 15: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” có khung hình phạt cao nhất nào sau đây?

- A. Phạt tù từ 20 năm đến 50 năm.
- B. Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.
- C. Phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.
- D. Phạt tù 25 năm hoặc tù chung thân.

Đáp án: B (khoản 4, Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 16: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Từ 01 năm đến 05 năm.
- B. Từ 01 năm đến 06 năm.
- C. Từ 01 năm đến 07 năm.
- D. Từ 01 năm đến 08 năm.

Đáp án: B (khoản 1, Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 17: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá dưới 2.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm trong trường hợp nào sau đây?

- A. Đã bị xử lý vi phạm hành chính.
- B. Đã bị kết án, chưa được xóa án tích.
- C. Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

D. Đã bị xử lý kỷ luật.

Đáp án: C (Điểm a, khoản 1, Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 18: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác thuộc trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.

B. Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

C. Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

D. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Đáp án: C (Điểm b, khoản 4, Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 19: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác thuộc trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm?

A. Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

B. Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

C. Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm.

D. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

Đáp án: A (Điểm d, khoản 3, Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 20: “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

A. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 06 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

B. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 07 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

C. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 10 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

D. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Đáp án: D (Khoản 5, Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 21: “Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

A. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

B. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 06 năm.

C. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

D. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng

Đáp án: A (Khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 22: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

A. Bị phạt tù từ 05 đến 10 năm.

B. Bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

C. Bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

D. Bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

Đáp án: B (Khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 23: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” có khung hình phạt cao nhất nào sau đây?

A. Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

B. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

C. Phạt tù từ 15 năm đến 25 năm.

C. Phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân.

Đáp án: B (Khoản 4 Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 24: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, người vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.
- B. Bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.
- C. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.
- D. Bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Đáp án: C (Điểm c Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 25: “Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.
- B. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 06 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.
- C. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 02 năm đến 07 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.
- D. Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 05 năm đến 10 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

Đáp án: A (khoản 5, Điều 358 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 26: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), “Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi” có khung hình phạt cao nhất nào sau đây?

- A. Phạt tù từ 01 năm đến 06 năm.
- B. Phạt tù từ 06 năm đến 13 năm.
- C. Phạt tù từ 13 năm đến 20 năm.
- D. Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

Đáp án: D (khoản 4, Điều 358 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 27: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), “Tội giả mạo trong công tác” có khung hình phạt cao nhất nào sau đây?

- A. Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm
- B. Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm

- C. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.
- D. Phạt tù từ 20 năm hoặc chung thân.

Đáp án: B (khoản 4, Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 28: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội giả mạo trong công tác”, người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
- B. Bị phạt tù từ 02 năm đến 08 năm.
- C. Bị phạt tù từ 03 năm đến 09 năm.
- D. Bị phạt tù từ 04 năm đến 10 năm.

Đáp án: A (khoản 1, Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 29: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, người có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
- B. Bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.
- C. Bị phạt tù từ 02 năm đến 08 năm.
- D. Bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm.

Đáp án: B (điểm c, khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 30: “Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 06 năm.
- B. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 07 năm.
- C. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.
- D. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 02 năm đến 08 năm.

Đáp án: C (khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 31: “Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Cấm hành nghề từ 01 năm đến 06 năm.
- B. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.
- C. Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 07 năm.
- D. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 07 năm.

Đáp án: B (khoản 3 Điều 361 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 32: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác”, người thực hiện hành vi cố ý làm lộ bí mật công tác, thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

- A. Bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.
- B. Bị phạt tù từ 03 năm đến 08 năm.
- C. Bị phạt tù từ 04 năm đến 09 năm.
- D. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Đáp án: A (khoản 2 Điều 361 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 33: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác”, người thực hiện hành vi chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật công tác gây thiệt hại về tài sản 100.000.000 đồng trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào?

- A. Bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.
- B. Bị phạt tù từ 03 năm đến 08 năm.
- C. Bị phạt tù từ 04 năm đến 09 năm.
- D. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Đáp án: A (khoản 2 Điều 361 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 34: “Tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác” có hình phạt bổ sung nào sau đây?

A. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 02 năm.

B. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 03 năm.

C. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 04 năm.

D. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Đáp án: D (khoản 3 Điều 362 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 35: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội đưa hối lộ”, người phạm tội dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

A. Bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

B. Bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

C. Bị phạt tù từ 02 năm đến 08 năm.

D. Bị phạt tù từ 01 năm đến 09 năm

Đáp án: B (điểm c, khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 36: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội đưa hối lộ”, khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm áp dụng đối với trường hợp nào sau đây?

A. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên.

B. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.

C. Dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ.

D. Phạm tội 02 lần trở lên.

Đáp án: A (khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 37: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội đưa hối lộ”, người đưa hối lộ có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ trong trường hợp nào sau đây?

A. Người đưa hối lộ bị người khác rủ rê.

B. Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác.

C. Người đưa hối lộ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

D. Người đưa hối lộ có nhân thân tốt và bị ép đưa hối lộ.

Đáp án: B (khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Câu 38: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội môi giới hối lộ”, người phạm tội môi giới hối lộ với trị giá của hối lộ từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng thuộc trường hợp bị áp dụng khung hình phạt nào sau đây?

A. Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

B. Bị phạt tù từ 06 năm đến 12 năm.

C. Bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm.

D. Bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm.

Đáp án: A (khoản 3 Điều 365 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).